

DIỄN ĐÀN VÀ KHUYẾN NGHỊ

THIÊN TÀI NGUYỄN DU VỚI CHỮ *XUÂN* TRONG *TRUYỆN KIỀU*

NGUYỄN VĂN CHƯƠNG

(Bắc Ninh)

Qua kiệt tác *Truyện Kiều*, bằng thiên tài của mình, Đại thi hào Nguyễn Du có công lao và vinh dự góp phần to lớn vào việc đặt nền móng vững chắc cho *tiếng Việt hiện đại* để văn học viết phát triển. Trước tác giả *Truyện Kiều*, chưa ai làm được chuyện ấy. Sau ông, cũng không ai sánh được. Sự giàu có, đa dạng, trong sáng, uyển chuyển và tinh tế của sắc thái sử dụng *từ ngữ*, được nhà thơ gia công một cách sáng tạo, mẫu mực ở nhiều ngữ cảnh; khi với nghĩa gốc, khi với nghĩa phái sinh, ...

Thơ lục bát có đặc điểm nổi bật là mộc mạc, giản dị, dân dã. Dùng nhiều từ gốc Hán mà non tay sẽ làm hỏng thơ ở thể loại này. Trong mười bốn chữ (6 + 8), có thể tối đa mười hai chữ thanh bằng. Chỉ hai chữ bắt buộc là thanh trắc. Đó là chữ thứ tư câu sáu và chữ thứ tư câu tám. Một tác phẩm truyện thơ kéo dài mấy nghìn câu, nếu không thay đổi nhịp, cấu trúc câu, dùng từ sáng tạo, cấp cho từ những nghĩa mới trên cơ sở từ gốc sẽ dẫn đến tẻ nhạt, nhàm chán, nôm na, thô thiển, khó nuôi dưỡng cảm hứng cho bạn đọc. Còn ở ca dao, chúng ta thấy phần lớn là bài ngắn, chỉ hai câu, bốn câu, hoặc hơn thì cũng không dài.

Một cái khó nữa ở thời đại Nguyễn Du, do hấp thụ nền giáo dục khoa cử và văn hoá chữ Hán lâu dài, sâu sắc, thể chế thi cử nghiêm ngặt, gò bó nhưng giáo điều, phù phiếm, lạc hậu và khoa trương nên yếu tố từ chương học có sức mạnh hấp dẫn, xuất hiện nhan nhản trong các tác phẩm văn học viết. Đó là phép đối ngẫu, lối dùng điển cổ và từ gốc Hán. Với *Truyện Kiều*, thi sĩ thiên tài nắm chắc, biết rõ

chỗ mạnh chỗ yếu của từ chương học. Ông sử dụng rất hạn chế thi pháp này và phần lớn đã Việt hoá. Ngòi bút tác giả truyện *Kiều* tung hoành, hoàn toàn làm chủ đội quân từ ngữ, điều khiển chúng một cách sáng tạo, nâng giá trị biểu cảm của từng từ cụ thể trong ngữ cảnh, đặt đúng lúc, đúng chỗ, khiến người đọc có cảm tưởng không thể thay thế được từ nào vào đặc địa hơn, thanh thoát hơn, hàm ngôn hay hiển ngôn hơn.

Nhân ngày đầu năm mới, vui Tết cổ truyền của dân tộc, chúng ta thử khảo sát truyện *Kiều* có bao nhiêu chữ *Xuân*, những hàm nghĩa gì, những thi đoạn nào?

Với 3254 câu thơ lục bát, *Truyện Kiều* có 51 câu dùng chữ *Xuân* ở 15 câu 6 và 36 câu 8. Đặc biệt có 3 câu chữ *xuân* xuất hiện 2 lần: *Lòng xuân phơi phới, chén xuân tàng tàng* (424), *Hoa xuân đương nhị, ngày xuân còn dài* (1066), *Ngày xuân lắm lúc đi về với xuân* (1294). Tất cả 54 chữ *xuân*.

Thử liệt kê (theo trật tự a b c): ta có các từ, tổ hợp *ba xuân, bằng xuân, buồn xuân - cảnh xuân, chơi xuân, chiều xuân, chén xuân, chúa xuân* (2 lần: câu 1327, 1946), *chùng xuân, cỗi xuân, cuối xuân, đêm xuân* (3 lần: 444, 849, 1286) *giấc xuân/hoa xuân/ khoá xuân, xuân khoá/lòng xuân/nửa chùng xuân, ngày xuân* (xuất hiện tới 5 lần: có câu 338, 731, 1006, 1284, 1294) *sang xuân, tin xuân, thanh xuân, thêm xuân* (2 lần: 2288, 3142) *vườn xuân/xuân xanh* (3 lần: 36, 344, 1950) *xuân đường* (4 lần: 534, 1292, 1388, 1497). Ngoài ra còn *xuân đình, xuân sơn, xuân tình*...

Từ ngữ cảnh, từ xuân sấm một chức năng ngữ pháp và ý nghĩa từ vựng khác nhau: khi chỉ *thời gian*, khi chỉ *cha mẹ*, khi chỉ *tuổi trẻ*, khi chỉ *tình yêu*, khi chỉ *niềm vui*, khi chỉ *nhân sắc* người con gái đẹp...

Cùng khái niệm chỉ cha mẹ (có khi cả cha lẫn mẹ), từ xuân được kết hợp phong phú: *xuân đường*, *ba xuân*, *cõi xuân*, *xuân huyền*, *xuân già* (huyền già). Cùng khái niệm tuổi trẻ: *xuân xanh*, *nửa chừng xuân*, *giác xuân*, *hoa xuân đương nhị*. Cùng khái niệm tình yêu: *chiều xuân* (đối với nét thu), *lòng xuân*, *xuân tình*.

Ngôn ngữ trong một tác phẩm văn học bao giờ cũng bị chi phối bởi phong cách thể loại. Khi là ngôn ngữ chỉ về thiên nhiên, khi là ngôn ngữ chỉ về nhân vật (đối thoại hoặc độc thoại nội tâm), khi ngôn ngữ tác giả, người dẫn chuyện hoặc trực tiếp bộc lộ thái độ, nhân sinh quan gọi là trữ tình ngoại đề.

Việc sử dụng từ chương học trong thi pháp văn học trung đại rất phổ biến. Phong cách khác nhau, tài năng khác nhau nên nghệ thuật và thao tác cũng khác nhau, dẫn đến giá trị thẩm mỹ khác nhau.

Cụ Tiên Điền không máy móc, lạm dụng nhưng cũng không hề dè dặt, né tránh thi pháp từ chương học. Đại thi hào hiểu rõ nghệ thuật sử dụng thao tác này sẽ nâng giá trị mỹ cảm cho tác phẩm. Ví như phép đối, khi thì đối chọi, đối lập, nhưng có khi chỉ đối ứng, cân đối, đăng đối, làm cho câu thơ tao nhã, sang trọng.

Làn thu thủy, nét xuân sơn là tả sắc đẹp nàng Kiều. Sơn - Thủy, Xuân - Thu là những nhả ngữ mang tính phúng dụ. Đôi mắt là cửa sổ của tâm hồn, trong vắt (trinh trắng) như nước hồ mùa thu. Cặp lông mày đẹp như của nàng Tây Thi (một trong 4 mỹ nữ Trung Hoa cổ đại) cong và xanh như viền núi mùa xuân. Xin nói thêm ở trường đoạn tả tài sắc nàng Kiều hài hoà, cân đối mang tiêu chí của vẻ đẹp Á Đông, Nguyễn Du đã tập trung dồn dập dùng thủ pháp nghệ thuật đối: sắc sảo - mặn mà, đòi một - hoạ hai, hoa ghen - liễu hờn, thắm - xanh, nghiêng nước - nghiêng thành... Đó là vẻ đẹp hoàn hảo, hiếm có, *ngoại hình*

và *nội tâm*, cái thiên phú (trời ban tặng) và sự trau dồi khổ luyện của bản thân (thi - hoạ).

Câu: *Hoa xuân đương nhị, ngày xuân còn dài* thì chữ xuân trước tả vẻ tươi đẹp, chữ xuân sau lại nhấn mạnh sự trẻ trung, hướng về tương lai. Đây là lời Tú Bà, trước nguy cơ mất cả vốn lẫn lãi và có thể can án (nếu có người bắt đắc kì tử trong cửa hàng nhà mình), mụ đã giấu đi cái xảo quyệt của kẻ buôn phần bán hương chuyên nghiệp, kiếm chác trên thân xác phụ nữ, sành sỏi và nhạy cảm rót những lời đường mật vào tai Thuý Kiều đang hoang mang và uất ức, với động cơ sâu sắc của mụ: thiệt mình (Kiều) thì hại ta. Mụ nhấn mạnh: *người còn thì của hãy còn!*

Xuân gầy là sự kết hợp từ sáng tạo đến mức táo bạo, kiệm lời, giàu ý: *mười phần xuân có gầy ba bốn phần* (3026). Đây là đoạn tái ngộ: *Trông xem đủ mặt một nhà*. Sau 15 năm dài nguyệt dẫu hoa, sức vóc và vẻ đẹp của Kiều đã giảm. Đó là theo nhận xét của mọi người trong gia đình, nhất là *ông bà trông mặt cảm tay*. Những người làm cha mẹ bao giờ cũng xót thương con nhất, dự cảm được những cái tệ nhị nhất. Lưu lạc, ê chề, bị vùi dập, quăng quật, mưa sa gió táp đương nhiên vẻ đẹp của Kiều phải giảm. Giảm mà vẫn hi vọng. Ông bà nghĩ thế, cầu mong thế. Từ *xuân* được dùng ở đây là tài năng của ngọn bút bậc thầy hoàn toàn không sáo ngữ và ước lệ.

Chữ xuân trong câu: *Vương Kim cùng chiêm bảng xuân một ngày* (2860) tả niềm vui mừng khi hai chàng thi đỗ ở học vị cao sang, có nhiều hứa hẹn tươi sáng cho tương lai. Nội hàm của hai chữ *bảng xuân* thật súc tích.

Nếu ghi nhận rằng thơ lục bát chủ yếu là kể chuyện chứ không phải miêu tả, vai trò của trí tưởng tượng bay bổng không quan trọng bằng vai trò cảm xúc nghệ thuật thì phải khẳng định rằng, Nguyễn Du đã điều binh khiển tướng trong mặt trận chữ nghĩa bằng thiên tài vô tiền khoáng hậu. Chỉ một chữ *xuân* dùng đến 54 lần trong 51 câu thơ, là một bài học sáng giá cho các nhà thơ khi dùng từ Hán Việt và làm thơ lục bát.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 06-12-2012)